TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 130/2024/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 10 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trịnh Xuân Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Võ Thị Xuân T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 29-10-2021.

Nay, ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T có một con chung là cháu Trịnh Võ Hoàng Phúc, sinh ngày 22-10-2014.

Bà Võ Thị Xuân Thúy trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trịnh Võ Hoàng P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T có một con chung là cháu Trịnh Võ Hoàng P, sinh ngày 22-10-2014.

Các đương sự thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của con là giao con của họ là cháu Trịnh Võ Hoàng P cho bà Võ Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng cho con: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

1.4. Về lệ phí: Ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001404 ngày 18-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; ông Trịnh Xuân Q và bà Võ Thị Xuân T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 44, đăng ký ngày 29-10-2011);
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Công Tồn